TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 07/06/2023.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Bình**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**
2. Bà **Lê Thị Tuyết Trinh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Quy** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Danh Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 06 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 05 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 18 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bé T, sinh năm 1989
Địa chỉ: ấp 5, thị trấn VV, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp NTII, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Võ Thị Bé T và anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bảng tự khai ngày 15/5/2023, nguyên đơn chị Võ Thị Bé T trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2019, chị T và anh B có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng nửa năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh B có 01 người con chung là cháu Võ Ngọc Yến, sinh ngày 02/8/2020. Hiện tại cháu Yến đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được nuôi cháu Võ Ngọc Yến và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con;

Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2023, bị đơn anh Trần Văn B trình bày:*

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2019, anh B và chị T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng nửa năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh B thì anh B đồng ý.

Về con chung: Anh B xác định trong thời gian chung sống, giữa anh và chị T có 01 người con chung là cháu Võ Ngọc Yến, sinh ngày 02/8/2020. Hiện tại cháu Yến đang sống chung với chị T, anh B đồng ý giao cháu Võ Ngọc Yến cho chị T nuôi dưỡng và anh xin không cấp dưỡng cho con;

Về tài sản chung: Anh B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh B không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị Bé T và anh Trần Văn B là vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Ngọc Yến, sinh ngày 02/8/2020 cho chị T nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi cháu Yến nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Võ Thị Bé T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn B và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn B có nơi đăng ký thường trú tại ấp NTII, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Võ Thị Bé T và bị đơn anh Trần Văn B tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị T và anh B.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Bé T yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn B. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh B thừa nhận vào khoảng năm 2009, chị T và anh B có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay chị T xin ly hôn với anh B thì anh B cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị Võ Thị Bé T và anh Trần Văn B là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị Bé T và anh Trần Văn B xác định trong quá trình chung sống giữa chị T và anh B có 01 người con chung là cháu Võ Ngọc Yến, sinh ngày 02/8/2020. Hiện tại cháu Yến đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được nuôi cháu Yến và anh B cũng đồng ý giao cháu Yến cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Võ Ngọc Yến hiện đang sống với chị T, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định, đồng thời tính đến ngày xét xử cháu Võ Ngọc Yến chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Võ Ngọc Yến, sinh ngày 02/8/2020 cho chị Võ Thị Bé T nuôi

dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi cháu Yến nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Võ Thị Bé T và anh Trần Văn B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Bé T phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị Bé T và anh Trần Văn B là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Ngọc Yến, sinh ngày 02/8/2020 cho chị Võ Thị Bé T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi cháu Yến nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản ;

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Bé T và anh Trần Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Bé T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị Võ Thị Bé T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010590, ngày 15/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hồng Dân;*
- *CC THADS huyện Hồng Dân ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Bình